TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 130/2025/DS-ST Ngày 19 - 8 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần L1. Địa chỉ: LPB T, số B T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ông K ủy quyền: Ông La Thiên T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 - Chi nhánh C.

Người được ông T ủy quyền lại:

1. Ông Mai Hoài L. Chức vụ: Giám đốc Phòng G (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh H. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

3. Ông Trần Xuân T1. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 925/2025/UQ-CM ngày 12/8/2025.

- *Bị đơn:*

1. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Ông Thái Văn T2, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (viết tắt là Ngân hàng), chi tiết cụ thể như sau:

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 – Chi nhánh C – Phòng G, tên viết tắt L2 (tên gọi cũ Ngân hàng Thương mại cổ phần B), đã ký với Bên vay Hợp đồng tín dụng số: HDTD932202300469. Hai bên đã thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận:

- Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi tôm sú quảng canh cải tiến.

- Thời hạn cho vay: 12 tháng.

- Lãi suất tiền vay: 9,7%/năm.

- Lãi phạt quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Trả nợ lãi: Theo thời gian ghị trên từng Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ cụ thể.

- Trả nợ gốc: Theo thời gian ghị trên từng Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ cụ thể.

- Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Khế ước nhận nợ số 932202300469/01 ngày 07/12/2023, với số tiền nhận nợ 300.000.000 đồng, kể từ khi nhận nợ đến ngày 19/8/2025 thì bị đơn không trả gốc và lãi, đến ngày 19/8/2025 bị đơn còn nợ tiền gốc là 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 9.440.137 đồng, lãi quá hạn: 39.336.099 đồng.

Để bảo đảm khoản vay bị đơn có thế chấp tài sản là: Bất động sản tại thửa số 763, 761, 752, 769, 795, tờ bản đồ 003B, diện tích 25.890m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải, nay là ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D0828475 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/11/1994, số vào sổ cấp GCN: 22629 QSDĐ đứng tên Đỗ Thị H1 theo hợp đồng thế chấp số 50/2020/HĐTC/PGDCaiNuoc ngày 12/8/2020.

Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp, đôn đốc kéo dài thời gian khởi kiện để tạo điều kiện cho bị đơn có thời gian trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Thị H1 và ông Thái Văn T2 phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 18/8/2025 là 348.776.236 đồng, trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.440.137 đồng, tiền lãi quá hạn: 39.336.099

đồng.

Buộc bà Đỗ Thị H1 và ông Thái Văn T2 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ sau 18/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 50/2020/HĐTC/PGDCaiNuoc, ngày 12/8/2020. Trường hợp bà Đỗ Thị H1 và ông Thái Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên đây thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bên bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi khoản vay.

Bị đơn bà H1 trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà và ông T2 có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nội dung như đại diện nguyên đơn trình bày, bà thống nhất số tiền còn nợ và đồng ý trả, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên bà yêu cầu Ngân hàng gia hạn cho bà thêm 01 năm để bà có điều kiện trả nợ.

Bị đơn ông T2 trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà H1, ông bà có ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng và có thế chấp phần đất của vợ chồng ông, ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên ông yêu cầu gia hạn nợ thêm 01 năm để ông bà có điều kiện trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T2 yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo hợp đồng tín dụng số: HDTD932202300469 và Khế ước nhận nợ số 932202300469/01 ngày 07/12/2023 thể hiện: Bị đơn có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất vay: 7.9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi tôm sú quảng canh cải tiến.

Xét thấy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên tinh

thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Theo đại diện nguyên đơn xác định, quá trình vay bị đơn không thanh toán nợ gốc và nợ lãi và hiện nay còn nợ số tiền là đến ngày 18/8/2025 là 348.776.236 đồng, trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.440.137 đồng, tiền lãi quá hạn: 39.336.099 đồng.

Bị đơn thống nhất số tiền nợ và đồng ý trả nhưng đề nghị nguyên đơn cho thêm thời gian là 01 năm để có điều kiện trả nợ, đại diện nguyên đơn không đồng ý. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng:

Theo hợp đồng thế chấp số 50/2020/HĐTC/PGDCaiNuoc ngày 12/8/2020 thì bị đơn có thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay của hợp đồng tín dụng là bất động sản tại thửa số 763, 761, 752, 769, 795, tờ bản đồ 003B, diện tích 25.890m^2, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Minh Hải, nay là ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D0828475 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/11/1994, số vào sổ cấp GCN: 22629 QSDĐ đứng tên Đỗ Thị H1.

Xét thấy việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

- Bị đơn được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

Buộc ông Thái Văn T2 và bà Đỗ Thị H1 liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền: 348.776.236 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày 19/8/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông T2, bà H1 không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 8.398.099 đồng (Tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004257 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau).

- Ông T2, bà H1 được miễn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Hồng Ân

Trần Minh Út

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Dũng Liêm